

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI,  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/DS-ST**

Ngày: 30/5/2022

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoàng Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Được, bà Nguyễn Thị Loan

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 12/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hà V**, sinh năm 1985. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố Phước Tân, phường I, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị Thùy T, sinh năm 1997. Địa chỉ nơi cư trú: Số 28, thôn 3, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

*- Bị đơn:* Ông **Trịnh Văn C**, sinh năm 1992. Địa chỉ nơi cư trú: 128 Nguyễn Thị Định, Khu phố P, phường U, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

*-Người làm chứng:*

+Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+Bà **Vũ Thị G**. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố P, phường U, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị Thùy T trình bày:***

Vì có mối quan hệ quen biết Trịnh Văn C có hỏi vợ chồng chị gái bà V là Nguyễn Thị Thúy N, Nguyễn Mạnh H vay tiền, do vợ chồng chị gái bà V không có tiền nên gọi hỏi bà V có tiền thì cho Cường vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà V đồng ý. Ngày 16/12/2019 ông C đến gặp bà V vay 100 triệu đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay hẹn 02 tháng sau đến ngày 16/02/2020 sẽ hoàn trả, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng, mục đích ông C vay để làm ăn, mua xe. Sau đó, bà V chuyển khoản cho ông C vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Đến hạn, ông C không trả cho bà V khoản nợ gốc nào, tiền lãi thì bà V nhận 02 tháng là 18.000.000 đồng, bà V đã nhiều lần đòi nhưng ông C cố tình không trả. Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Văn C trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 17/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Khoản tiền này bà V cho một mình ông C vay nên chỉ yêu cầu một mình ông C phải trả, không yêu cầu vợ ông C là Vũ Thị G phải liên đới cùng trả nợ.

**\* Bị đơn ông Trịnh Văn C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Khoảng tháng 11,12/2019 (âm lịch) ông C có vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi vay có viết giấy vay, lãi suất thỏa thuận là 9.000.000 đồng/tháng, không hạn ngày trả, ông C trả được 3 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), sau đó do dịch không làm ăn được nên không trả lãi đều. Những lần trả tiền lãi ông C là người trả tiền trực tiếp cho bà V 02 lần, còn vợ ông C là Vũ Thị G trả lãi cho bà V 01 lần, ngày trả lãi thì ông C không nhớ rõ, nhưng có tin nhắn xác nhận của bà V. Đến tháng 12/2020 (âm lịch) bà V dẫn 04 người đàn ông (không rõ lai lịch) đến đòi nợ nhưng ông C chưa có tiền trả. Sau đó khoảng 10 ngày thì ông C trả cho bà V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền này ông C không đưa trực tiếp cho bà V mà đưa cho 03 người đi cùng bà V (không rõ lai lịch), khi trả tiền không viết giấy tờ gì.

Nay bà Nguyễn Thị Hà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Văn C trả cho bà số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi thì ông C không đồng ý, vì ông C đã trả đủ số tiền đã vay cho bà V.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Mạnh H trình bày:** Vào khoảng tháng 12/2019 ông C mượn ông 100.000.000 đồng, do không có tiền nên ông H hỏi bà Nguyễn Thị Hà V là em vợ của ông H để mượn tiền, bà V đồng ý cho ông C mượn. Chiều tối ngày 16/12/2019, ông H cùng bà V, ông C gặp nhau, ông C ghi và ký vào giấy vay tiền, thỏa thuận ông C vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), sau đó ông H có kí vào giấy vay tiền để làm chứng. Toàn bộ giấy vay tiền ông H giữ. Thời gian sau bà V có hỏi và nói ông H đưa lại giấy vay tiền trên cho bà V nhưng ông H tìm không thấy nên đã tự viết và ký tên Trịnh Văn C, viết bằng mực đen, nội dung thể hiện ông C vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng. Ông H không biết bà V lấy giấy vay tiền trên để khởi kiện tại tòa án, đến khi tòa án thụ lý và yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền thì

ông mới nhớ ra và lúc này vợ chồng ông tìm lại được giấy vay tiền bản chính ngày 16/12/2019 (viết bằng mực xanh) nên đã đưa cho bà V để nộp cho tòa án.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng Nguyễn Thị Thúy N trình bày:** Bà N là vợ ông Nguyễn Mạnh H, bà thống nhất như phần trình bày của ông H chồng bà. Giấy vay tiền ngày 16/12/2019 (bản viết bằng mực đen) là của bà Vết và ký tên Trịnh Văn C, sau đó đưa cho ông H để ông H đưa cho bà V. Lý do vì tìm không thấy giấy vay tiền bản chính, nên chỉ nghĩ viết đưa cho Vi để Vi đỡ lo, nhưng không biết việc Vi mang giấy đi khởi kiện tại tòa. Sau này vợ chồng bà N tìm lại được giấy vay gốc do ông C viết nên đưa lại cho bà V.

\* Người làm chứng Vũ Thị G vắng mặt không có ý kiến.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn C phải trả cho bà V số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn là ông Trịnh Văn C có địa chỉ cư trú tại Khu phố P, phường U, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: người làm chứng Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Văn C, người làm chứng bà Vũ Thị G vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự theo đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông C, bà G vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C, bà Vũ Thị G, ông H, bà N là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1]. Về nợ gốc:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hà V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị Thùy T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết buộc ông Trịnh Văn C phải trả cho bà V tổng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01 giấy vay tiền ngày 16/12/2019 (bản viết bằng mực đen) và 01 giấy vay tiền ngày 16/12/2019 (bản viết bằng mực xanh). Trong quá trình làm việc thì bà Nguyễn Thị Hà V thừa nhận chỉ có giấy vay tiền viết bằng mực xanh mới là do ông C viết và ký. Ông Trịnh Văn C không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền (bản viết bằng mực đen) là của ông, đối với giấy vay tiền ngày 16/12/2019 (viết bằng mực xanh) thì ông không có ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà V có đơn yêu cầu tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trịnh Văn C theo giấy vay tiền ngày 16/12/2019 (bản viết bằng mực xanh), tại Kết luận giám định số 73/2021/GĐ-TL ngày 31/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Phước kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang họ tên “Trịnh Văn C” và nội dung chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ viết “Người làm chứng”, chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Mạnh H”) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Văn C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M7 (trừ chữ “Đồng Xoài” ở dòng thứ 6, chữ “KP Phú Cường” ở dòng thứ 15 tính từ trên xuống trên tài liệu mẫu ký hiệu M1; số “20,11,2019” ở dòng thứ 4, chữ “Đồng Xoài” ở dòng thứ 7 tính từ trên xuống trên tài liệu mẫu ký hiệu M2) do cùng một người ký, viết ra.”* Khi làm việc tại tòa án ông C thừa nhận có vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), vay có lãi suất, nhưng ông C đã trả cho 03 người đàn ông (không rõ lai lịch) đi cùng bà V, lúc trả không viết giấy tờ gì;

Xét giấy vay tiền ngày 16/12/2019 thể hiện: ông Trịnh Văn C có vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng, vay có thời hạn, có lãi. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà V xác định thời hạn vay đến hết ngày 16/02/2020, từ khi vay chưa trả được khoản nợ gốc nào; ông C cũng có xác nhận có vay của bà V 100.000.000 đồng nhưng đã trả đủ cho bà V. Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Hà V và ông Trịnh Văn C là có thật, vay có kỳ hạn, hai bên tự nguyện thỏa thuận, giao kết với nhau. Khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Bị đơn là ông Trịnh Văn C có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C không đến tòa án tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và cung cấp tài liệu theo thông báo cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án. Vì vậy, được xem là từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Do đó phần trình bày của ông C là không có cơ sở; bà V khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn C phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc ông Trịnh Văn C phải trả cho bà V 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[3.2]. Về tiền lãi: Bà V trình bày khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng với nhau và yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Do ông C vắng mặt nên các bên không thống nhất được với nhau về phần lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới*

hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”, như vậy mức lãi nguyên đơn yêu cầu tính trên số tiền vay 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ ngày 17/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 17/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 30/5/2022*) là 02 năm 03 tháng 13 ngày x 100.000.000 đồng x 10%/năm = **22.841.000 đồng** (*Hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng đã trả được cho bà V 03 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng, tuy nhiên không cung cấp được giấy biên nhận tiền hay chứng cứ hợp lý để chứng minh, do đó phần trình bày của ông C không có căn cứ. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định có nhận của ông C 02 tháng tiền lãi là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) nên trừ số tiền này vào số tiền lãi mà ông C phải chịu, cụ thể: 22.841.000 đồng – 18.000.000 đồng = 4.841.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 30/5/2022*) mà ông C còn phải trả cho bà V là 4.841.000 đồng.

[4] Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ có mình ông Trịnh Văn C vay, vợ ông C là bà Vũ Thị G không biết nên chỉ yêu cầu một mình ông C phải chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ai khác phải liên đới trả khoản nợ này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông C phải chịu chi phí giám định chữ kí, chữ viết là 4.552.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng*); Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên nguyên đơn không phải chịu phần chi phí giám định này, buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chi phí giám định là 4.552.000 đồng.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

- Ông Trịnh Văn C phải chịu 5.242.050 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 161; Điều 244; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hà V.

Buộc ông Trịnh Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị Hà V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 4.841.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi một ngàn đồng*). Tổng cộng là **104.841.000 đồng** (*Một trăm linh bốn triệu tám trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

[3] Chi phí tố tụng: Buộc ông Trịnh Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị Hà V 4.552.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền chi phí giám định.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài hoàn trả lại cho bà V số tiền 2.811.500 đồng (Hai triệu tám trăm mười một ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0026302 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

- Ông Trịnh Văn C phải chịu 5.242.050 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Bùi Thị Hoàng Long**